THÔNG TẤN XÃ VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP PHỔ BIẾN,
GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

Số: 43

Ngày 02/11/2026

Bản tin hàng tuần
phát hành ngày thứ Hai

TÓM TẮT

VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

Bản tin Văn bản pháp luật mới số 43 có các nội dung đáng chú ý sau:

- *Chế độ, chính sách đối với thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam tham gia kháng chiến giai đoạn 1965 - 1975.*
- *Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh đặt cược và trò chơi có thưởng.*
- *Chiến lược quốc gia phát triển nền y học cổ truyền Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.*
- *Văn bản dự thảo: Luật Xử lý vi phạm hành chính.*
- *Giải đáp pháp luật: Một số quy định về quản lý thuế.*

VĂN BẢN CỦA CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI THANH NIÊN XUNG PHONG Ở MIỀN NAM THAM GIA KHÁNG CHIẾN GIAI ĐOẠN 1965-1975

Nghị định số 388/2026/NĐ-CP được Chính phủ ban hành ngày 13/10/2026, sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 112/2017/NĐ-CP về chế độ, chính sách đối với thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam tham gia kháng chiến giai đoạn 1965 - 1975. Nghị định có hiệu lực từ ngày 01/12/2026.

Về chế độ, thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam không còn khả năng lao động và sống cô đơn, không nơi nương tựa được hưởng trợ cấp hằng tháng bằng 02 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội. Quy trình giải quyết trợ cấp một lần và hằng tháng được rút gọn và thực hiện chủ yếu ở cấp xã và cấp tỉnh. Đối tượng hoặc thân nhân nộp hồ sơ (trực tiếp, qua bưu chính hoặc trực tuyến) tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú. Cấp xã tổ chức hội nghị xét duyệt, công khai kết quả, chuyển hồ sơ lên cơ quan nội vụ cấp tỉnh thẩm định để Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định, sau đó cấp xã chi trả. Giấy tờ đã có trong cơ sở dữ liệu quốc gia thì không phải nộp lại. Với người đang thường trú ở địa phương khác, nơi tham gia thanh niên xung phong sẽ xác nhận đối tượng rồi chuyển hồ sơ về nơi thường trú để giải quyết chế độ. Trợ cấp mai táng cũng có hồ sơ, trình tự và thời hạn cụ thể cho từng bước, từ cấp xã đến cấp tỉnh.

Ngân sách trung ương bảo đảm kinh phí trợ cấp một lần (từ nguồn chính sách ưu đãi người có công) và kinh phí cho vay vốn sản xuất kinh doanh, cùng chi phí quản lý đối tượng trợ cấp một lần; còn chi phí quản lý đối tượng trợ cấp hằng tháng do ngân sách địa phương bảo đảm.

Nghị định cũng phân công trách nhiệm cho Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đồng thời đề nghị Mặt trận Tổ quốc, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh và Hội Cựu thanh niên xung phong tham gia tuyên truyền, giám sát và bảo đảm xác nhận đúng đối tượng.

Hồ sơ đã được tiếp nhận trước ngày 01/12/2026 tiếp tục được giải quyết theo quy định cũ. Thanh niên xung phong cơ sở chết từ ngày 20/11/2017 đến trước ngày Nghị định có hiệu lực mà chưa được giải quyết trợ cấp và không còn giấy tờ để hưởng trợ cấp mai táng thì thân nhân lập hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp một lần 3.600.000 đồng, nếu đủ điều kiện.

XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC KINH DOANH ĐẶT CƯỢC VÀ TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ

Ngày 20/10/2026, Chính phủ ban hành Nghị định số 391/2026/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh đặt cược và trò chơi có thưởng.

Nghị định có hiệu lực từ ngày 05/12/2026, quy định về hành vi vi phạm hành chính; hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc và hành vi vi

phạm hành chính đang thực hiện; hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả; đối tượng bị xử phạt; thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính; việc thi hành các biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực kinh doanh đặt cược, casino và trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài (sau đây gọi tắt là lĩnh vực đặt cược và trò chơi có thưởng).

Hình thức xử phạt chính gồm cảnh cáo và phạt tiền. Bên cạnh đó là hình thức bổ sung gồm: đình chỉ hoạt động kinh doanh có thời hạn và tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm.

Mức phạt tiền tối đa là 200 triệu đồng đối với tổ chức và 100 triệu đồng đối với cá nhân; mức phạt với cá nhân bằng một nửa mức phạt với tổ chức cho cùng một hành vi. Bên cạnh đó, người vi phạm còn có thể bị buộc áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả như nộp lại giấy chứng nhận hoặc vé đặt cược bị sửa chữa, tiêu hủy máy móc và thiết bị trái quy định, tháo dỡ quảng cáo sai quy định, hoặc nộp lại số lợi bất hợp pháp. Thời hiệu xử phạt là 01 năm. Hành vi có dấu hiệu tội phạm thì hồ sơ phải được chuyển cho cơ quan tiến hành tố tụng.

Đối với loại hình kinh doanh đặt cược, các hành vi bị xử phạt gồm: làm giả hồ sơ, sửa chữa giấy chứng nhận, cho thuê hoặc chuyển nhượng giấy chứng nhận, kinh doanh khi chưa được cấp phép hoặc vượt phạm vi cho phép, bán vé cho người không đủ điều kiện, cho người chơi vay tiền để cược, cũng như vi phạm về trả thưởng, quảng cáo và báo cáo. Với casino và trò chơi điện tử có thưởng, các quy định tương tự được áp dụng, đồng thời bổ sung các yêu cầu về: bố trí điểm kinh doanh, thời gian hoạt động, số lượng và chủng loại máy móc, quản lý đồng tiền quy ước, kiểm soát người ra vào và kiểm soát nội bộ.

Người chơi cũng có thể bị xử phạt nếu giả mạo hoặc sửa vé để lĩnh thưởng, dàn xếp kết quả sự kiện, hoặc cố tình tham gia khi thuộc đối tượng bị cấm. Ngoài ra, Nghị định còn có mục riêng đối với hành vi vi phạm về phòng, chống rửa tiền và tài trợ khủng bố, gồm các quy định về nhận biết khách hàng, đánh giá rủi ro, xây dựng quy định nội bộ và báo cáo giao dịch đáng ngờ hoặc có giá trị lớn.

Về thẩm quyền xử phạt, giao cho lực lượng Công an nhân dân, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp và cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực đặt cược và trò chơi có thưởng, đồng thời xác định những người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm.

Bộ trưởng Bộ Tài chính chịu trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thi hành Nghị định.

BỔ SUNG CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẦU TƯ, KINH DOANH TRONG LĨNH VỰC AN NINH TRẬT TỰ

Nghị định 392/2026/NĐ-CP được Chính phủ ban hành ngày 20/10/2026, có hiệu lực từ 15/11/2026, sửa đổi, bổ sung nhiều nghị định liên quan đến thủ tục hành chính và điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực an ninh, trật tự.

Nghị định điều chỉnh danh mục các ngành nghề kinh doanh có điều kiện (con dấu, công cụ hỗ trợ, pháo, cầm đồ, xoa bóp, bảo vệ, trò chơi có thưởng, vật liệu nổ, in, karaoke, vũ trường, lưu trú…).

Thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự được phân định lại theo ba cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội (Bộ Công an), Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội (Công an cấp tỉnh) và Công an cấp xã.

Thủ tục cấp mới, cấp đổi và cấp lại Giấy chứng nhận sau thu hồi được rút ngắn, còn không quá 04 ngày làm việc (cấp mới, cấp lại sau thu hồi) hoặc 03 ngày làm việc (cấp đổi). Nghị định cũng bổ sung quy định về hồ sơ, thời hạn được xin cấp lại sau khi bị thu hồi (12 hoặc 24 tháng tùy trường hợp).

Các cơ sở như kinh doanh trò chơi có thưởng, công cụ hỗ trợ hay lưu trú có thêm trách nhiệm riêng: kiểm tra thông tin khách qua VNeID hoặc giấy tờ tùy thân, ban hành nội quy, bố trí kho bảo quản, thuê ít nhất 30% nhân viên bảo vệ từ doanh nghiệp dịch vụ bảo vệ.

Việc kiểm tra cơ sở kinh doanh được thực hiện định kỳ không quá một lần mỗi năm; kiểm tra đột xuất chỉ được thực hiện khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có khiếu nại, tố cáo.

Về con dấu, hồ sơ có thể nộp qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc VNeID, thời hạn đăng ký mẫu con dấu là 03 ngày làm việc, và Công an cấp xã được giao đăng ký mẫu con dấu cho cơ quan, tổ chức do UBND cấp xã thành lập.

Về quy định liên quan đến pháo, nhiều thủ tục như cấp giấy phép vận chuyển, huấn luyện kỹ thuật an toàn được thực hiện trên VNeID với thời hạn xử lý 03 ngày làm việc.

Về định danh và căn cước, công dân có thể làm thủ tục cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 02 tại Công an cấp xã không phụ thuộc nơi cư trú. Việc thu thập sinh trắc học, tích hợp, cập nhật thông tin trên thẻ căn cước và cấp giấy chứng nhận căn cước cho người gốc Việt Nam chưa xác định quốc tịch cũng được quy định cụ thể hơn, giao nhiều việc cho Công an cấp xã.

Về dữ liệu cá nhân, Nghị định quy định lại trình tự đánh giá tác động xử lý và chuyển dữ liệu xuyên biên giới (hồ sơ nộp trong 60 ngày, thẩm định trong 11 ngày làm việc, bổ sung trong 30 ngày) và thủ tục cấp, cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân.

BỔ SUNG QUY ĐỊNH VỀ GIẢM NHẸ PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH VÀ BẢO VỆ TẦNG Ô-DÔN

Nghị định số 396/2026/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 26/10/2026, sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 06/2022/NĐ-CP về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn. Nội dung chính là điều chỉnh thủ tục đăng ký tài khoản trên Hệ thống đăng ký quốc gia và các thủ tục liên quan đến dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước.

Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp tài khoản cho các cơ sở được phân bổ hạn ngạch phát thải, các chương trình, dự án thuộc một số cơ chế nhất định và dự án các-bon rừng trên địa bàn từ hai tỉnh trở lên. Các trường hợp còn lại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp tài khoản trong vòng 5 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ, nếu từ chối phải nêu rõ lý do. Hồ sơ có thể nộp trực tiếp, qua bưu chính hoặc trực tuyến và việc định danh, xác thực người dùng thực hiện theo pháp luật về định danh và xác thực điện tử.

Về dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước, Nghị định phân cấp mạnh cho cấp tỉnh. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận hồ sơ là người xem xét, phê duyệt đăng ký hoặc điều chỉnh đăng ký dự án. Quy trình gồm kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, đăng tải công khai để lấy ý kiến trong 22 ngày làm việc, lấy ý kiến đồng thuận của các tỉnh liên quan và các cơ quan chuyên ngành, thẩm định tài liệu dự án, ban hành quyết định phê duyệt và công bố trên Hệ thống đăng ký quốc gia. Nếu một tỉnh liên quan không đồng thuận, hồ sơ sẽ bị từ chối phê duyệt kèm lý do. Việc điều chỉnh quy mô, công suất dự án cũng thực hiện theo trình tự này.

Nghị định cũng quy định các thủ tục sau đăng ký: thay đổi thành phần tham gia dự án (giải quyết trong tối đa 7 ngày làm việc), hủy đăng ký dự án (tối đa 22 ngày làm việc) và cấp tín chỉ các-bon cho dự án đã đăng ký. Với việc cấp tín chỉ, hồ sơ gồm đơn đề nghị, báo cáo giám sát, báo cáo thẩm định kết quả giảm nhẹ và báo cáo phát triển bền vững; sau khi lấy ý kiến các bên liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cấp tín chỉ trong 10 ngày làm việc. Riêng thủ tục đối với dự án các-bon rừng và tín chỉ các-bon rừng được thực hiện theo Nghị định số 180/2026/NĐ-CP về dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng.

Nghị định có hiệu lực từ ngày 12/12/2026. Các hồ sơ đã được bộ quản lý lĩnh vực tiếp nhận trước ngày 01/8/2026 thì không phải nộp lại và tiếp tục được giải quyết theo quy định tại thời điểm tiếp nhận.

ĐỀ ÁN "HỆ THỐNG HỌC LIỆU SỐ QUỐC GIA ĐỐI VỚI GIÁO DỤC PHỔ THÔNG"

Đề án "Hệ thống học liệu số quốc gia đối với giáo dục phổ thông" được phê duyệt tại Quyết định số 1965/QĐ-TTg, ngày 12/10/2026 của Thủ tướng Chính phủ.

Đề án xây dựng hạ tầng học liệu số dùng chung, hiện đại, liên thông, cung cấp học liệu chất lượng cao, chuẩn hóa và miễn phí cho học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục; ưu tiên vùng dân tộc thiểu số, miền núi và học sinh khuyết tật.

Hệ thống gồm: Cổng học liệu số; Kho học liệu số quốc gia; Nền tảng quản lý và khai thác học liệu số; Hệ thống dữ liệu và các dịch vụ kết nối, chia sẻ; Hạ tầng kỹ thuật bảo đảm vận hành Hệ thống. Các thành phần của Hệ thống được thiết kế theo kiến trúc mở, bảo đảm khả năng tích hợp, liên thông và kế thừa các hệ thống, nền tảng, cơ sở dữ liệu hiện có, hạn chế đầu tư trùng lặp.

Mục tiêu đặt ra là hoàn thiện thể chế, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy định về định danh, thẩm định, bản quyền, quản lý, chia sẻ và khai thác học liệu số; xây dựng Cổng học liệu số quốc gia đáp ứng yêu cầu sử dụng tại 100% cơ sở giáo dục phổ thông; hoàn thành bộ học liệu lõi quốc gia cho các môn học, cấp học theo Chương trình giáo dục phổ thông, ưu tiên học liệu tương tác đa phương tiện, mô phỏng thực tế và thí nghiệm ảo. Giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục và học sinh được bồi dưỡng năng lực số theo lộ trình. Dữ liệu học liệu được chuẩn hóa, kết nối với các cơ sở dữ liệu, nền tảng quốc gia có liên quan và Cơ sở dữ liệu quốc gia về trí tuệ nhân tạo trong giáo dục. Việc xác thực người dùng được kết nối với VNeID và các phương thức phù hợp khác; học liệu công khai, miễn phí, không bắt buộc đăng nhập.

Đề án được triển khai qua hai giai đoạn. Giai đoạn 2026-2027, hoàn thiện khung pháp lý, tiêu chuẩn kỹ thuật; xây dựng, vận hành thử nghiệm phiên bản đầu tiên của Cổng học liệu số và nền tảng quản lý, khai thác học liệu; biên soạn học liệu lõi giai đoạn thí điểm; tập huấn đội ngũ cốt cán; thí điểm tại một số địa phương; hoàn thành kết nối xác thực định danh điện tử. Giai đoạn 2028-2030, hoàn thiện Cổng học liệu số, bộ học liệu lõi, hệ thống dữ liệu và dịch vụ kết nối, chia sẻ; mở rộng triển khai toàn quốc, phấn đấu 100% cơ sở giáo dục phổ thông kết nối, sử dụng trước năm 2030; sơ kết, tổng kết và đánh giá tác động độc lập.

Các nhiệm vụ trọng tâm thực hiện Đề án gồm: Hoàn thiện thể chế, chính sách, tiêu chuẩn kỹ thuật và khung bản quyền học liệu số; phát triển hạ tầng số và nền tảng công nghệ dùng chung; xây dựng học liệu lõi quốc gia; ứng dụng trí tuệ nhân tạo hỗ trợ vận hành Kho học liệu số quốc gia; bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân; đào tạo, bồi dưỡng năng lực số và truyền thông, thúc đẩy sử dụng thực chất; phối hợp liên ngành và liên thông dữ liệu; bảo đảm nguồn lực và phát triển bền vững.

XÂY DỰNG Y HỌC CỔ TRUYỀN THÀNH BỘ PHẬN QUAN TRỌNG CỦA HỆ THỐNG Y TẾ QUỐC GIA

Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà đã ký Quyết định số 1976/QĐ-TTg ngày 13/10/2026 phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển nền y học cổ truyền Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Chiến lược nhằm phát triển nền y học cổ truyền Việt Nam toàn diện, hiện đại, khoa học và hội nhập quốc tế; trở thành một bộ phận quan trọng của hệ thống y tế quốc gia; phát triển đồng bộ hệ thống khám bệnh, chữa bệnh, đào tạo, nghiên cứu khoa học, công nghệ, dược liệu và công nghiệp dược liệu; hình thành ngành kinh tế y dược cổ truyền có giá trị gia tăng cao; xây dựng thương hiệu quốc gia về y học cổ truyền Việt Nam.

Đến năm 2030 phấn đấu 100% tỉnh, thành phố có bệnh viện y học cổ truyền; 100% trạm y tế cấp xã đủ năng lực cung ứng dịch vụ y học cổ truyền; tỷ lệ khám, chữa bệnh bằng y học cổ truyền hoặc kết hợp với y học hiện đại đạt tối thiểu 10% ở cấp chuyên sâu, 20% ở cấp cơ bản và

30% ở cấp ban đầu; phấn đấu tự chủ tối thiểu 20% nhu cầu dược liệu trong nước; giá trị sản xuất công nghiệp dược liệu, thuốc cổ truyền và thuốc dược liệu tăng ít nhất 10% mỗi năm; số hóa tối thiểu 70% tri thức y học cổ truyền đã được điều tra, sưu tầm và xác minh… Đến năm 2035, tỷ lệ tự chủ dược liệu đạt tối thiểu 25%; định hướng đến năm 2045 xây dựng hệ sinh thái y học cổ truyền đồng bộ, có năng lực cạnh tranh quốc tế, chuyển từ xuất khẩu nguyên liệu thô sang sản phẩm có giá trị gia tăng cao…

Để thực hiện mục tiêu đề ra, Chiến lược xác định tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách; rà soát, sửa đổi quy định pháp luật; nghiên cứu mở rộng phạm vi thanh toán bảo hiểm y tế, khuyến khích xã hội hóa, hợp tác công tư và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với tri thức y học cổ truyền. Phát triển mạng lưới khám, chữa bệnh y học cổ truyền, đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, nâng cao năng lực y tế cơ sở và chuẩn hóa hướng dẫn chuyên môn, quy trình kỹ thuật kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại. Phát triển dược liệu được triển khai theo hướng bảo tồn nguồn gen quý, xây dựng vùng trồng đạt tiêu chuẩn GACP, tăng cường liên kết giữa Nhà nước, nhà khoa học, doanh nghiệp và người dân; đẩy mạnh chế biến sâu, kiểm soát chất lượng, mã định danh và truy xuất nguồn gốc, hình thành chuỗi giá trị dược liệu bền vững. Chiến lược chú trọng đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ gen, công nghệ nano, trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn; xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về y học cổ truyền, phát triển thử nghiệm lâm sàng và thúc đẩy chuyển giao, thương mại hóa kết quả nghiên cứu; đồng thời nâng cao chất lượng nhân lực thông qua chuẩn hóa chương trình đào tạo, phát triển đội ngũ chuyên gia, tăng cường đào tạo liên ngành và hợp tác quốc tế.

TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TRONG TÌNH HÌNH MỚI

Ngày 12/10/2026, Phó Thủ tướng Lê Tiến Châu ký ban hành Chỉ thị số 36/CT-TTg về việc tăng cường công tác thi hành án dân sự trong tình hình mới.

Chỉ thị ban hành nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành án, bảo đảm các bản án, quyết định của Tòa án được chấp hành nghiêm minh, đúng pháp luật; tăng cường trách nhiệm phối hợp của các bộ, ngành, địa phương, bảo vệ quyền sở hữu, quyền tài sản, đẩy nhanh xử lý tài sản, khơi thông nguồn lực và góp phần phát triển kinh tế - xã hội.

Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan triển khai Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15, rà soát, hoàn thiện thể chế, chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ; tập trung giải quyết dứt điểm các vụ việc có điều kiện thi hành, thu hồi tài sản trong các vụ án tham nhũng, kinh tế, phân loại vụ việc trọng điểm, phức tạp, kéo dài, xác định rõ trách nhiệm và thời hạn xử lý; tăng cường kiểm tra, kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; đẩy mạnh cải cách hành chính, số hóa hồ sơ, kết nối, chia sẻ dữ liệu về dân cư, đất đai, tài khoản, tài sản, thuế, chứng khoán và doanh nghiệp; triển khai

thanh toán trực tuyến, nộp tiền thi hành án qua mã QR, hoàn thành các nhiệm vụ chuyển đổi số trong năm 2027; tiếp tục tinh gọn bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ và bảo đảm nguồn lực hoạt động.

Một trong những nội dung đáng chú ý của Chỉ thị là yêu cầu chuyển từ việc theo dõi kết quả thi hành án nói chung sang quản lý tiến độ đối với từng vụ việc, tài sản và nguồn tiền có giá trị lớn. Bộ Tư pháp phải rà soát toàn bộ quy trình tổ chức thi hành án, từ tiếp nhận bản án, ra quyết định thi hành án, xác minh điều kiện thi hành án đến kê biên, thẩm định giá, đấu giá và giao tài sản. Đồng thời, Chỉ thị yêu cầu hoàn thiện bộ chỉ số quản lý phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành. Trong đó, cơ chế cảnh báo đối với hồ sơ chậm xác minh, chậm kê biên, chậm xử lý tài sản hoặc tiền thi hành án được xác định là một nhiệm vụ trọng tâm. Thông qua việc theo dõi từng khâu xử lý, cơ quan quản lý có cơ sở phát hiện những vụ việc chậm tiến độ để kịp thời chỉ đạo giải quyết. Đối với các vụ việc trọng điểm, phức tạp, kéo dài, Bộ Tư pháp xây dựng tiêu chí phân loại, xác định nguyên nhân, đơn vị và cá nhân chịu trách nhiệm xử lý, đồng thời ấn định thời hạn hoàn thành; định kỳ 6 tháng tổng hợp, lập danh sách các vụ việc theo tiêu chí đã xác định, gửi danh sách cho Ủy ban nhân dân, Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự cấp tỉnh để chỉ đạo.

Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự cấp tỉnh định kỳ hằng quý rà soát danh mục vụ việc, tài sản có giá trị lớn, trọng điểm, phức tạp hoặc kéo dài trên địa bàn; xác định nguyên nhân, đề xuất giải pháp và tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công đơn vị, cá nhân thực hiện, kèm thời hạn hoàn thành.

TĂNG CƯỜNG CÁC BIỆN PHÁP QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH GIÁ TRONG NHỮNG THÁNG CUỐI NĂM 2026

Ngày 15/10/2026, Thủ tướng Chính phủ ban hành Công điện số 70/CĐ-TTg về việc tăng cường các biện pháp quản lý, điều hành giá trong những tháng cuối năm 2026, góp phần kiểm soát lạm phát theo mục tiêu đề ra.

Công điện nêu rõ, 9 tháng năm 2026, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân cả nước tăng 4,52% so với cùng kỳ năm trước. Trong những tháng cuối năm, nhu cầu tiêu dùng, mua sắm phục vụ lễ, Tết và hoạt động sản xuất, kinh doanh dự kiến tăng, tiềm ẩn nguy cơ gây sức ép lên giá cả. Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các bộ, ngành và địa phương tăng cường quản lý, điều hành giá, phấn đấu kiểm soát CPI bình quân năm 2026 tăng khoảng 4,5%, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội và đời sống Nhân dân.

Thủ tướng yêu cầu các bộ, ngành, địa phương phải chủ động theo dõi, phân tích, dự báo cung cầu và giá cả thị trường, nhất là xăng dầu, năng lượng, lương thực, thực phẩm, vật liệu xây dựng và hàng hóa thiết yếu; bảo đảm nguồn cung, lưu thông, phân phối hàng hóa, triển khai chương trình bình ổn thị trường, không để xảy ra thiếu hàng, đầu cơ, găm hàng hoặc tăng giá bất hợp lý.

Việc điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá phải được

cân nhắc kỹ về thời điểm, mức độ và tác động đến CPI, đời sống người dân, hoạt động sản xuất, kinh doanh. Bộ Tài chính theo dõi CPI, tham mưu giải pháp điều hành giá. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam điều hành chính sách tiền tệ linh hoạt, phối hợp chính sách tài khóa, quản lý lãi suất, tín dụng và tỷ giá nhằm hạn chế lạm phát nhập khẩu.

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố triển khai giải pháp kiểm soát giá phù hợp với tình hình địa phương; tăng cường kiểm tra việc kê khai, niêm yết giá, xử lý nghiêm hành vi vi phạm pháp luật về giá; khuyến khích doanh nghiệp tiết giảm chi phí, điều chỉnh giá bán phù hợp khi chi phí đầu vào giảm.

Đối với 14 địa phương (Sơn La, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Gia Lai, Huế, Tây Ninh, Khánh Hòa, Cà Mau, Đà Nẵng, Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Vĩnh Long, Đồng Tháp, Đắk Lắk) có CPI bình quân 9 tháng năm 2026 tăng cao hơn mức tăng CPI bình quân chung của cả nước, Thủ tướng yêu cầu phân tích chuyên sâu nguyên nhân; xây dựng và triển khai ngay phương án, giải pháp quản lý, điều hành giá phù hợp với thẩm quyền.

VĂN BẢN CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

XÁC ĐỊNH ĐỐI TƯỢNG THAM GIA BẢO HIỂM Y TẾ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ NỘI VỤ

Thông tư số 28/2026/TT-BNV được Bộ Nội vụ ban hành ngày 23/10/2026, hướng dẫn việc xác định và lập danh sách đối tượng tham gia bảo hiểm y tế thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

Các nhóm đối tượng được ngân sách nhà nước đóng bảo hiểm y tế, gồm: người có công với cách mạng, thân nhân của họ, người phục vụ người có công sống ở gia đình, cựu chiến binh, thanh niên xung phong và người sống tại xã đảo, đặc khu.

Về nguyên tắc, mỗi người chỉ được lập một thông tin đối tượng. Người thuộc nhiều nhóm sẽ được xếp vào nhóm có mức hưởng cao nhất. Việc lập danh sách phải dựa trên giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền cấp và thông tin phải được đối chiếu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trước khi phê duyệt.

Ủy ban nhân dân cấp xã lập danh sách cho người đang sống tại cộng đồng, còn các cơ sở nuôi dưỡng lập danh sách cho người đang được nuôi dưỡng thường xuyên tại cơ sở. Người dân nộp tờ khai trực tiếp, qua bưu chính hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Sau khi rà soát và phê duyệt, danh sách kèm dữ liệu điện tử được gửi cho cơ quan bảo hiểm xã hội để cấp thẻ. Khi có thay đổi về đối tượng, mức hưởng hoặc thông tin cá nhân, cơ quan lập danh sách phải cập nhật và gửi cơ quan bảo hiểm xã hội trong vòng 5 ngày làm việc. Nếu thông tin đã được xác thực trong các cơ sở dữ liệu liên thông, cơ quan chức năng được dùng dữ liệu điện tử mà không yêu cầu người dân nộp lại giấy tờ.

Thông tư cũng yêu cầu đẩy mạnh chuyển đổi số trong lập và quản lý danh sách, đồng thời yêu cầu bảo đảm an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân. Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ sở nuôi dưỡng phải rà soát, cập nhật biến động hằng tháng và chịu trách nhiệm về tính chính xác của danh sách. Sở Nội vụ tổ chức triển khai và phối hợp đối chiếu với cơ quan bảo hiểm xã hội.

Thông tư có hiệu lực từ ngày 01/01/2027 và thay thế Thông tư số 30/2019/TT-BLĐTBXH. Các danh sách, hồ sơ đã lập theo quy định cũ vẫn có giá trị để cấp thẻ và người đang thụ hưởng không phải làm lại thủ tục, trừ khi có thay đổi về nhân thân, mức hưởng hoặc dừng tham gia. Hồ sơ đang giải quyết trước ngày 01/01/2027 tiếp tục được xử lý theo quy định cũ.

TẠO LẬP DỮ LIỆU VÀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG

Thông tư 26/2026/TT-BNV của Bộ Nội vụ quy định về tạo lập dữ liệu và quản lý, sử dụng cơ sở dữ liệu về người có công với cách mạng, ban hành ngày 15/10/2026.

Dữ liệu được thu thập từ nguồn dữ liệu gốc, hạn chế tối đa việc thu thập trùng lặp; ưu tiên kết nối, chia sẻ, tái sử dụng dữ liệu đã có trong các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu ngành Nội vụ và các cơ sở dữ liệu khác. Siêu dữ liệu về người có công với cách mạng là dữ liệu mô tả cấu trúc, kiểu thông tin, kích thước, nguồn gốc và các thuộc tính của dữ liệu về người có công với cách mạng, phục vụ việc quản lý, tra cứu, kết nối, chia sẻ và bảo đảm khả năng tái sử dụng dữ liệu. Các cơ quan, tổ chức phải bảo đảm an toàn, bảo mật, bảo vệ dữ liệu cá nhân; đối với dữ liệu lịch sử, dữ liệu hình thành từ hồ sơ giấy hoặc trường hợp thông tin có sự khác biệt giữa các nguồn dữ liệu phải thực hiện việc kiểm tra, đối chiếu, xác minh và chuẩn hóa. Lưu giữ đầy đủ hồ sơ, nhật ký xử lý dữ liệu và bằng chứng điện tử phát sinh theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Ba cơ sở dữ liệu thành phần gồm: người hưởng chính sách ưu đãi người có công; liệt sĩ, mộ liệt sĩ, nghĩa trang liệt sĩ và công trình ghi công liệt sĩ; ADN của liệt sĩ và thân nhân.

Dữ liệu được kiểm tra, đánh giá định kỳ năm tiêu chí: tính đầy đủ; tính chính xác; tính thống nhất; tính kịp thời; khả năng sử dụng lại.

Đối với các dữ liệu ít biến động (thông tin liệt sĩ, nghĩa trang liệt sĩ), việc đối soát được thực hiện định kỳ 06 tháng một lần. Đối với dữ liệu có thể biến động thường xuyên (chế độ, trợ cấp), việc đối soát được thực hiện theo thời hạn quy định tại văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực người có công.

Việc truy cập cơ sở dữ liệu về người có công với cách mạng được thực hiện thông qua tài khoản do Cục Người có công cấp cho cơ quan, tổ chức, cá nhân phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và phạm vi khai thác, sử dụng dữ liệu và tài khoản truy cập được định kỳ rà soát. Người có công, thân nhân người có công và người hưởng chính sách ưu đãi người có công được khai thác, sử dụng thông tin của mình thông qua tài khoản

định danh điện tử trên Ứng dụng VNeID, các phương thức khác theo quy định của pháp luật. Việc khai thác, sử dụng dữ liệu thông qua VNeID được thực hiện trên cơ sở kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa cơ sở dữ liệu về người có công với cách mạng với hệ thống định danh và xác thực điện tử, bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

DỰ THẢO LUẬT XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Dự thảo Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định 2 nhóm nguyên tắc, gồm nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính và nguyên tắc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính. Việc xử phạt vi phạm hành chính quy định mọi vi phạm phải được phát hiện, ngăn chặn kịp thời, xử lý nghiêm minh và hậu quả phải được khắc phục. Việc xử phạt phải nhanh chóng, công khai, khách quan, đúng thẩm quyền, công bằng, đồng thời căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả, đối tượng vi phạm cùng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng. Chỉ xử phạt khi pháp luật có quy định về hành vi vi phạm; một hành vi chỉ bị phạt một lần, nhiều người cùng vi phạm thì mỗi người đều bị phạt, còn một người vi phạm nhiều hành vi hoặc nhiều lần thì bị phạt từng hành vi, trừ trường hợp vi phạm nhiều lần được Chính phủ quy định là tình tiết tăng nặng.

Việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính cũng phải bảo đảm các yêu cầu như khi xử phạt, thời hạn áp dụng căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả, nhân thân người vi phạm và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng. Cơ quan, người có thẩm quyền có trách nhiệm chứng minh vi phạm, trong khi cá nhân bị áp dụng có quyền tự mình hoặc thông qua người đại diện chứng minh mình không vi phạm.

Một trong những nội dung đáng chú ý được nêu tại dự thảo Luật là các biện pháp cưỡng chế để thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Tạm hoãn xuất cảnh đối với cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức chưa chấp hành xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính và xét thấy cần ngăn chặn ngay việc người đó trốn.

Yêu cầu ngừng cung cấp dịch vụ điện, nước đối với công trình, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ được áp dụng để cưỡng chế thi hành hình thức xử phạt tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề, tạm đình chỉ hoạt động có thời hạn và thi hành biện pháp khắc phục hậu quả.

Yêu cầu ngừng cung cấp dịch vụ Internet, dịch vụ viễn thông, hạ tầng số hoặc thực hiện biện pháp ngăn chặn kỹ thuật, chặn truy cập đối với tổ chức, cá nhân không chấp hành hình thức xử phạt tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề, đình chỉ hoạt động có thời hạn, biện pháp khắc phục hậu quả trên môi trường điện tử theo quy định của pháp luật.

DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI LUẬT PHÒNG, CHỐNG TÁC HẠI CỦA THUỐC LÁ

Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá do Bộ Y tế chủ trì soạn thảo, trong đó đề xuất sửa đổi, bổ sung một số nội dung đáng chú ý.

Thuốc lá điện tử hoàn chỉnh phải bao gồm: Thiết bị điện tử để hóa hơi nguyên liệu thuốc lá dạng dung dịch; bộ phận chứa nguyên liệu thuốc lá; nguyên liệu thuốc lá dạng dung dịch.

Cơ sở bán buôn, bán lẻ thuốc lá có quyền từ chối không bán thuốc lá nếu khách hàng không chứng minh được đủ tuổi mua thuốc lá.

Dự thảo Luật đặt nguyên tắc bảo đảm quyền của mọi người, đặc biệt là phụ nữ, trẻ em và các đối tượng dễ bị tổn thương, được sống và làm việc trong môi trường không có khói thuốc lá. Mọi người cũng được thông tin đầy đủ về tác hại của thuốc lá, kể cả bằng tiếng dân tộc với nội dung và hình thức phù hợp với đồng bào dân tộc thiểu số.

Ngoài ra, dự thảo mở rộng và cụ thể hóa các hành vi bị nghiêm cấm, trong đó có một số hành vi đáng chú ý như: Sản xuất, kinh doanh, mua bán, nhập khẩu, tàng trữ, vận chuyển thuốc lá giả và sản phẩm được thiết kế có hình thức hoặc kiểu dáng như bao, gói, điếu hoặc thuốc lá. Mua, bán, tàng trữ, vận chuyển nguyên liệu thuốc lá nhập lậu và thuốc lá nhập lậu. Quảng cáo, khuyến mại thuốc lá; tiếp thị thuốc lá trực tiếp tới người tiêu dùng dưới mọi hình thức. Sử dụng hình ảnh thuốc lá trên báo chí, xuất bản phẩm dành riêng cho người chưa đủ 18 tuổi, trừ trường hợp tuyên truyền, phổ biến, thông tin, giáo dục, truyền thông về phòng, chống tác hại của thuốc lá.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Hỏi: *Cơ quan nào có thẩm quyền thông báo tạm hoãn xuất cảnh, gia hạn tạm hoãn xuất cảnh do nợ thuế?*

Trả lời: Thẩm quyền thông báo tạm hoãn xuất cảnh, gia hạn tạm hoãn xuất cảnh, hủy bỏ tạm hoãn xuất cảnh được quy định tại khoản 2 Điều 28 Nghị định 252/2026/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế, có hiệu lực từ ngày 01/7/2026, cụ thể:

- Cơ quan quản lý thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế có thẩm quyền thông báo tạm hoãn xuất cảnh;

- Cơ quan quản lý thuế đã thông báo tạm hoãn xuất cảnh có thẩm quyền thông báo gia hạn tạm hoãn xuất cảnh, thông báo hủy bỏ tạm hoãn xuất cảnh. Trường hợp người nộp thuế thay đổi cơ quan quản lý thuế thì cơ quan quản lý mới có thẩm quyền thông báo gia hạn tạm hoãn xuất cảnh, thông báo hủy bỏ tạm hoãn xuất cảnh đối với người nộp thuế.

2. Hỏi: *Trường hợp nào không hoàn thuế?*

Trả lời: Khoản 4 Điều 29 Nghị định 252/2026/NĐ-CP quy định các trường hợp không hoàn thuế gồm:

- Cá nhân có số tiền thuế nộp thừa hằng năm sau quyết toán thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công trên hồ sơ khai quyết toán thuế từ 50.000 đồng trở xuống thì thực hiện bù trừ số thuế nộp thừa với số thuế phải nộp của kỳ tính thuế tiếp theo;

- Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có số tiền thuế nộp thừa của cả năm trên hồ sơ khai thuế, hồ sơ quyết toán thuế từ 50.000 đồng trở xuống thì thực hiện bù trừ số thuế nộp thừa với số thuế phải nộp của kỳ tính thuế tiếp theo.

3. Hỏi: *Thời hạn thông báo tiếp nhận hoặc không tiếp nhận hồ sơ hoàn thuế cho người nộp thuế là bao lâu?*

Trả lời: Theo khoản 1 Điều 31 Nghị định 252/2026/NĐ-CP, cơ quan quản lý thuế có thông báo tiếp nhận hoặc không tiếp nhận hồ sơ hoàn thuế cho người nộp thuế trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ của người nộp thuế.

Trường hợp hồ sơ hoàn thuế đồng thời là hồ sơ khai thuế thì thông báo tiếp nhận hồ sơ khai thuế là thông báo tiếp nhận hồ sơ hoàn thuế.

4. Hỏi: *Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có số thuế phải nộp từ 50.000 đồng trở xuống có được miễn thuế không?*

Trả lời: Theo khoản 2 Điều 32 Nghị định 252/2026/NĐ-CP, miễn thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân có số tiền thuế phát sinh phải nộp hằng năm sau quyết toán thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công trên hồ sơ quyết toán thuế từ 50.000 đồng trở xuống.

Miễn thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có số tiền thuế phải nộp trên hồ sơ khai thuế, hồ sơ quyết toán thuế từ 50.000 đồng trở xuống, trừ quy định nêu trên./.